

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2026/DS-PT
Ngày 07 - 7 - 2026
V/v Tranh chấp về xác định
di sản thừa kế và người quản
lý di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Minh.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Tuấn Long; bà Lại Thị Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Hồng Nét - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2026/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2026, về việc Tranh chấp về xác định di sản thừa kế và người quản lý di sản thừa kế. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2026/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Toà án nhân dân Khu vực 5 - Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2026/DS-PT ngày 24 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị B, sinh năm 1965; địa chỉ: Bản V, xã G, tỉnh Sơn La; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đinh Thị B: Ông Điều Chính T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đinh Văn P, sinh năm 1978; chị Lò Thị V, sinh năm 1980; địa chỉ: Bản T, xã G, tỉnh Sơn La; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Đinh Văn P: Ông Tông Văn M - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lò Thị V: Ông Trần Mạnh T1 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S; có mặt.

- Anh Hà Văn T2, sinh năm 1989, địa chỉ: Bản T, xã G, tỉnh Sơn La; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Đinh Văn V1, sinh năm 1991, địa chỉ: Bản T, xã G, tỉnh Sơn La; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đinh Thị S, địa chỉ: Bản T, xã G, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

- Anh Đinh Văn P1, địa chỉ: Bản T, xã G, tỉnh Sơn La; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Đinh Thị P2, địa chỉ: Thôn L, xã L, tỉnh Phú Thọ; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Đinh Thị Đ, địa chỉ: Bản C, xã T, tỉnh Sơn La; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Đinh Văn Q, địa chỉ: Bản T, xã G, tỉnh Sơn La.

- Chị Đinh Thị H, địa chỉ: Bản T, xã G, tỉnh Sơn La.

- Chị Đinh Thị H1, địa chỉ: Bản T, xã G, tỉnh Sơn La.

- Chị Đinh Thị H2, địa chỉ: Bản T, xã G, tỉnh Sơn La.

- Anh Lò Duy K, địa chỉ: Bản B, xã G, tỉnh Sơn La.

- Chị Lò Khánh L, địa chỉ: Bản B, xã P, tỉnh Sơn La.

(Các đương sự gồm: Anh Q, chị H, chị H1, chị H2, anh K, chị L đều vắng mặt tại phiên tòa).

- Chị Đinh Thị N, địa chỉ: Bản T, xã G, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo ủy quyền của chị N: Cháu Đinh Thị L1, địa chỉ: Bản T, xã G, tỉnh Sơn La; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Cháu Đinh Thị Thanh L2, sinh ngày 23/3/2011; địa chỉ: Bản T, xã G, tỉnh Sơn La; vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của cháu L2: Chị Đinh Thị N, địa chỉ: Bản T, xã G, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

- Cháu Đinh Thị L1, địa chỉ: Bản T, xã G, tỉnh Sơn La; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Hà Văn T3, địa chỉ: Bản T, xã G, tỉnh Sơn La; có mặt.

- Bà Hoàng Thị B1, địa chỉ: Bản T, xã G, tỉnh Sơn La; Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Đinh Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đinh Thị B trình bày:

Cụ Đinh Văn Ẽ (sinh năm 1928, mất ngày 09/6/2023) và cụ Hoàng Thị N1 (sinh năm 1923, mất ngày 07/02/2025) có 05 người con gồm: Ông Đinh Văn T4 (sinh năm 1954, mất năm 2016), ông Đinh Quang T5 (sinh năm 1957, mất năm 2021), bà Đinh Thị S (sinh năm 1960), bà Đinh Thị S1 (sinh năm 1962, mất năm

2010), bà Đinh Thị B (sinh năm 1965). Ngoài ra, cụ Ề và cụ N1 còn có 01 người con nuôi là bà Hoàng Thị B1, sinh năm 1972 được hai cụ trực tiếp nuôi dưỡng từ lúc 9 tháng tuổi. Hai cụ chết không để lại di chúc, di sản thừa kế gồm:

- 01 mảnh đất rộng khoảng 15m, sâu 25m thuộc thửa số 548A và 548B, trên đất có ngôi nhà sàn 2 tầng và 2 gian bếp. Nhà và bếp đã được anh Đinh Văn P, chị Lò Thị V dỡ bỏ. Hiện nay, một phần đất anh Hà Văn T2 đang sử dụng để mở quán B2, một phần đất anh Đinh Văn V1 làm xưởng cơ khí.

- 03 thửa đất trồng lúa (thửa số 445 - diện tích 247m², thửa số 501 - diện tích 307,1m² và thửa số 210 - diện tích 299m²), hiện nay do anh P, chị V1 đang quản lý, sử dụng và 01 đôi hoa tai (01 chỉ vàng).

Nguồn gốc toàn bộ đất đai tranh chấp là do cụ Ề và cụ N1 khai phá từ năm 1954. Năm 1984, hai cụ đã chia cho ông Đinh Văn T4 khoảng 10.000m² đất để ra ở riêng. Năm 1998, do ông T4 cần vốn làm ăn nên ông đã xin phép hai cụ được đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng. Năm 2005 hai cụ đã tổ chức họp gia đình để chia đất cho các cháu. Sau khi chia, diện tích đất còn lại của hai cụ bao gồm 04 thửa đất nêu trên. Tại biên bản họp gia đình ngày 20/4/2025, bà Đinh Thị B, bà Đinh Thị S và các con của ông Đinh Quang T5 và bà Đinh Thị S1 đã thống nhất giao toàn bộ di sản cho bà Đinh Thị B trực tiếp quản lý để lập nhà thờ tổ tiên và xây lăng mộ cho bố mẹ. Bà Đinh Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án:

1. Xác định 375m² đất ở và vườn (tại thửa 548A, 548B), 03 thửa đất trồng lúa (thửa số 445, 501, 210) và 01 đôi hoa tai vàng là di sản thừa kế của cụ Đinh Văn Ề và cụ Hoàng Thị N1.

2. Giao toàn bộ di sản thừa kế cho bà Đinh Thị B quản lý.

3. Buộc anh Hà Văn T2 và anh Đinh Văn V1 dỡ bỏ công trình trên đất và trả lại đất.

Ngày 09/01/2026, bà B đã sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện. Nội dung sửa đổi: Xác định diện tích đất tranh chấp là 348m² tại thửa số 400 (thay vì thửa 445 như nhầm lẫn ban đầu).

Kèm theo đơn khởi kiện, bà Đinh Thị B đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ: Bản tự khai ngày 17/10/2025; Biên bản hoà giải tranh chấp đất đai giữa bà Đinh Thị B và anh Đinh Văn P ngày 10/4/2025 của UBND xã G; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK584922, mang tên Đinh Văn T4; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM687449, mang tên Đinh Văn T4; Căn cước công dân; Giấy khai sinh; Xác nhận thông tin về cư trú số 1285, 09/10/2024 của Công an xã G; Trích lục khai tử số 19 ngày 12/6/2023 của UBND xã G; Trích lục khai tử số 09 ngày 10/02/2025 của UBND xã G; Trích lục khai tử số 322 ngày 12/11/2024 của UBND xã G; Trích lục khai tử số 323, 12/11/2024 của UBND xã G; Trích lục khai tử số 190 ngày 12/11/2024 của UBND xã G; Giấy xác nhận của Hoàng Thị C; Biên bản hoà giải ngày 14/01/2025 và Biên bản hoà giải ngày 29/5/2024; Biên bản họp gia đình ngày 20/4/2025; Đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai ngày 04/3/2025; Hồ sơ chuyển nhượng đất giữa ông Đinh Văn T4 và ông Hà Văn N2

năm 2013; Biên bản bàn giao quyền nuôi dưỡng, chăm sóc bố mẹ ngày ngày 02/9/2018; Bản tự khai của bà Đinh Thị S ngày 01/11/2025; Giấy khai sinh bà Đinh Thị S; Căn cước công dân bà Đinh Thị S; Văn bản ghi ý kiến của anh Đinh Văn Q1, chị Đinh Thị H, chị Đinh Thị H1, chị Đinh Thị H2 ngày 30/10/2025; Văn bản ghi ý kiến ngày 02/11/2025 của anh Lò Duy K và chị Lò Khánh L; Giấy khai sinh của anh Lò Duy K; Giấy khai sinh của chị Lò Khánh L; Căn cước công dân của chị Lò Khánh L; Căn cước công dân của anh Lò Duy K; Sơ yếu lý lịch của chị Đinh Thị H2; Căn cước công dân của chị Đinh Thị H1; Căn cước công dân của chị Đinh Thị H2; Căn cước công dân của chị Đinh Thị H; Công văn số 04/UBND ngày 20/3/2025 của UBND xã G về việc trả lời đơn đề nghị của công dân; Biên bản xác minh nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đất của Trợ giúp viên pháp lý; Giấy khai sinh và căn cước công dân của bà Hoàng Thị B1.

Theo văn bản trình bày ngày 03/11/2025 và bản tự khai ngày 05/11/2025, bị đơn anh Đinh Văn P trình bày:

Ông Đinh Văn T4 và bà Hà Thị V2 có 05 người con gồm anh Đinh Văn P, anh Đinh Văn P3, anh Đinh Văn P1, chị Đinh Thị P2, chị Đinh Thị Đ.

Anh P không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị B vì toàn bộ diện đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bố đẻ anh là ông Đinh Văn T4 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện P cấp. Sau khi bố mẹ anh mất, vợ chồng anh là người trực tiếp chăm sóc, phụng dưỡng cụ Ề và cụ N1 từ năm 2017 đến năm 2024 và lo liệu tang lễ cho cụ Ề tại gia đình. Ngoài ra, năm 1989-1990 bà B đi lấy chồng đã được cụ Ề chia cho một mảnh đất nhưng sau đó bà B đã bán đi cho người khác. Về biên bản họp gia đình ngày 20/4/2025, anh không thừa nhận giá trị pháp lý của biên bản này vì chỉ có bà B và một số con cháu của ông T5 ký.

Đối với việc sử dụng đất của anh Đinh Văn V1, do quan hệ là anh em họ hàng nên anh cho anh V1 mượn đất để làm nhà tạm để vật liệu. Còn phần đất anh Hà Văn T2 đang sử dụng là đất mà bố anh đã chia cho em trai của anh là anh Đinh Văn P3. Đối với đôi hoa tai của cụ N1, anh P cho rằng đã sử dụng để làm giỗ cho cụ nên không còn.

Bị đơn chị Lò Thị V (vợ của anh Đinh Văn P): Nhất trí với quan điểm của anh Đinh Văn P về nội dung sự việc. Không có ý kiến gì thêm.

Theo văn bản trình bày ngày 05/11/2025 và biên bản lấy lời khai ngày 06/01/2026, anh Đinh Văn V1 trình bày:

Anh V1 là em họ của anh P. Tháng 10/2025, anh được vợ chồng anh P cho mượn khoảng 66m² đất để làm nhà kho chứa sắt thép, vật liệu xây dựng. Sau khi mượn đất, anh V1 đã dựng nhà xưởng khung thép, nền bê tông trị giá khoảng 70 triệu đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà B, anh V1 không có ý kiến gì. Tuy nhiên, trường hợp giao đất cho người khác quản lý sử dụng thì anh yêu cầu được trả lại giá trị tài sản đã đầu tư là khoảng 70 triệu đồng.

Theo văn bản trình bày ngày 17/10/2025 và bản tự khai ngày 13/11/2025, anh Hà Văn T2 trình bày:

Tháng 9/2019, anh Hà Văn T3 là anh trai của anh T2 đã mua mảnh đất 200m² của chị Đinh Thị N (là vợ của anh Đinh Văn P3). Năm 2024, anh T3 cho anh T2 mượn đất để làm quán bán hàng, khi mượn đất, trên đất không có tài sản gì. Anh đã đầu tư xây dựng quán hết hơn 200 triệu đồng. Anh không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị B.

Theo bản tự khai ngày 30/12/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Văn T3 trình bày:

Tháng 8/2019, anh đã mua mảnh đất của chị Đinh Thị N. Khi mua, đất mang tên ông Đinh Văn T4 (bố chồng chị N) và không có tranh chấp. Hai bên thỏa thuận số tiền mua bán là 220 triệu đồng, anh đã trả cho chị N 190 triệu đồng, số tiền còn lại sẽ được thanh toán khi nào làm xong thủ tục chuyển nhượng. Ngày 14/9/2019, trước sự chứng kiến của đại diện hai bên gia đình, chị N đã bàn giao đất cho anh quản lý, sử dụng. Sau đó, anh đã cho em trai mượn đất để làm quán giải khát. Anh không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị B. Anh Hà Văn T3 đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 02/8/2019 giữa chị Đinh Thị N và anh Hà Văn T3; Biên bản bàn giao đất ngày 14/9/2019 giữa chị Đinh Thị N và anh Hà Văn T3.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 06/01/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị N trình bày:

Chị là vợ của anh Đinh Văn P3 (là con trai của ông Đinh Văn T4, chết năm 2016). Chị và anh P3 có 02 con là cháu Đinh Thị L1 và cháu Đinh Thị Thanh L2. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung với bố mẹ chồng 02 năm rồi được bố mẹ cho khoảng 60m² đất và chuyển ra ở riêng. Khoảng năm 2019, chị bán thửa đất cho anh Hà Văn T3 với giá 220 triệu đồng như anh T3 trình bày. Chị không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị B.

Theo bản tự khai ngày 08/11/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đinh Văn P1 trình bày:

Anh là con trai của ông Đinh Văn T4, em trai của anh Đinh Văn P. Bố mẹ anh là người trực tiếp chăm sóc cụ Ề và cụ N1 từ năm 1996. Sau khi bố mẹ anh mất thì ba anh em trai của anh cùng nhau chăm sóc hai cụ. Bố anh đã bán một phần đất để trả nợ khi đưa cụ Ề bị tai nạn xe đi Hà Nội điều trị.

Năm 2015, hai cụ và bố anh cùng các anh đã đo đạc cho anh Phan Đ1 chứ không phải là cụ Ề chia cho năm 2005. Một chỉ vàng là cái nhẫn cụ Ề cho anh đeo năm 2001 nhưng anh không lấy, năm 2004 cụ N1 làm hoa tai. Vườn rau muống là cái ao do bố anh thả cá từ năm 2001, đến năm 2003 bị lũ vùi lấp nên cụ N1 mới trồng rau muống. Đất làm xưởng của anh Đinh Văn V1 là do anh P cho mượn. Đất của anh Hà Văn T3 là phần đất của anh Đinh Văn P3 (đã mất), chị N vợ anh P3 đã bán cho anh T3 để làm nhà cho các cháu. Anh P1 khẳng định toàn bộ đất đang tranh chấp là của ông Đinh Văn T4 để lại cho các con, không liên quan gì đến bà B.

Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 27/10/2025, người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan chị Đinh Thị P2 trình bày:

Chị là con của ông Đinh Văn T4, cháu của nguyên đơn bà Đinh Thị B, em gái của bị đơn anh Đinh Văn P. Khi bố mẹ chị còn sống đã trực tiếp ở cùng và chăm sóc cụ Ề và cụ N1. Sau khi bố mẹ chị mất, vợ chồng anh Đinh Văn P là người trực tiếp chăm sóc hai cụ. Chị không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị B và không có tranh chấp với vợ chồng anh Đinh Văn P.

Theo biên bản lấy lời khai của Tòa án ngày 26/3/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị B1 trình bày:

Bố ruột của bà Hoàng Thị B1 là cụ Hoàng Văn Á (tên gọi khác là Hoàng Trọng Á1), mẹ ruột tên là cụ Lò Thị M1 (cụ Á1 và cụ M1 đều đã chết). Cụ Á1 là em trai của cụ Hoàng Thị N1. Từ khi 09 tháng tuổi, bà B1 đã được cho đi làm con nuôi của cụ Đinh Văn Ề và cụ Hoàng Thị N1. Bà B1 đã ở cùng với cụ Ề và cụ N1 đến năm 1995 mới ra ở riêng sau khi lập gia đình. Do không hiểu pháp luật nên cụ Ề, cụ N1 không đăng ký việc nuôi con nuôi. Đối với nội dung sự việc và yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị B, bà B1 hoàn toàn nhất trí.

Theo văn bản trình bày, biên bản lấy lời khai của Tòa án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Đinh Thị S, các con của bà Đinh Thị S gồm anh Lò Duy K, chị Lò Khánh L; các con của ông Đinh Quang T5 gồm anh Đinh Văn Q, chị Đinh Thị H, chị Đinh Thị H1, chị Đinh Thị H2 đều thống nhất xác định di sản thừa kế của cụ Ề và cụ N1 như yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị B. Các đương sự này không yêu cầu chia di sản thừa kế mà đề nghị giao toàn bộ di sản cho bà B trực tiếp quản lý và sử dụng để thực hiện các công việc chung của gia đình như lập nhà thờ tổ tiên, xây dựng lăng mộ cho cụ Ề, cụ N1 và làm các thủ tục tâm linh khác.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/01/2026 và ngày 09/01/2026 của Tòa án xác định tài sản tranh chấp như sau:

1. Một phần đất thổ cư và đất nông nghiệp tại thửa số 548a và 548b: Tổng diện tích đất tranh chấp là 443,33m², gồm 252,3m² đất thổ cư và 191m² đất nông nghiệp. Trong đó:

- Anh Hà Văn T3 đang quản lý, sử dụng (nhận chuyển nhượng từ chị Đinh Thị N) là 172,5m². Gồm:

+ Đất thổ cư: 111,9m² (thửa 3). Tài sản trên đất: Ngôi nhà khung sắt, mái tôn, thương tôn diện tích 91,7m² của anh Hà Văn T2 xây dựng và đang sử dụng, trong đó phần nằm trong chỉ giới giao thông là 36,3m²; phần nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 55,4m².

+ Đất nông nghiệp: 57,6m² (thửa 4) + 3m² (thửa 11) = 60,6m². Tài sản trên đất: 01 cây nhãn và 02 cây ban.

- Anh Đinh Văn P đang quản lý, sử dụng: 140,4 + 125,2 + 5,2 = 270,8m². Trong đó:

+ Đất thổ cư là: 140,4m² (thửa 5). Tài sản trên đất: Ngôi nhà khung sắt, mái tôn, thương tôn diện tích 108m² của anh Đinh Văn V1 xây dựng và đang sử

dụng (anh Đinh Văn P cho anh V1 mượn đất để làm nhà xưởng) trong đó phần nằm trong chỉ giới giao thông là 17,8m²; phần nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 90,2m².

+ Đất nông nghiệp là: 125,2 (thửa 6) + 5,2 (thửa 8) = 130,4m². Tài sản trên đất: Rau ngắn ngày, các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Thửa đất số 400: Tổng diện tích thửa đất 400 là 688m². Phần diện tích đất tranh chấp là 348m². Phần diện tích đất còn lại không tranh chấp. Hiện trạng: Ruộng trồng rau ngắn ngày. Tài sản trên đất là rau ngắn ngày, các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Thửa đất số 501: Diện tích 307,1m². Hiện trạng: Ao cá. Tài sản trên đất: Không có.

4. Thửa đất số 210: 299m². Hiện trạng: Ruộng trồng rau ngắn ngày. Tài sản trên đất là rau ngắn ngày, các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản làm việc ngày 09/01/2026, các đương sự có mặt đã thống nhất giá trị tài sản tranh chấp như sau: Giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp nằm trong thửa 548A và 548B (gồm diện tích đất chị Đinh Thị N đã chuyển nhượng cho anh Hà Văn T3, diện tích đất anh Đinh Văn V1 sử dụng làm nhà xưởng và diện tích đất anh P đang quản lý, sử dụng) là 6.000.000 đồng/m² (sáu triệu đồng/mét vuông). Giá trị quyền sử dụng 03 thửa đất nông nghiệp (các thửa số 400, 210, 501) là 65.000 đồng/m² (sáu mươi lăm nghìn đồng/mét vuông). Giá trị tài sản trên diện tích đất anh Hà Văn T3 nhận chuyển nhượng của chị Đinh Thị N và anh Hà Văn T2 đã xây dựng nhà trên đất: Giá trị nhà: 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng). Giá trị 01 cây nhãn: 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Giá trị 02 cây ban: 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Giá trị nhà xưởng anh Đinh Văn V1: 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

*** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2026/DS-ST ngày 31/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Sơn La đã Quyết định:**

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 229; các Điều 267, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 690 Bộ luật Dân sự 1995; Điều 2 và Điều 20 Luật Đất đai 1993; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị B về việc: Xác định 443,33m² đất ở và vườn thuộc thửa 548A và 548B; 348m² đất trồng lúa thuộc thửa số 400; 307,1m² đất trồng lúa thuộc thửa số 501; 299m² đất trồng lúa thuộc thửa số 210 (đều thuộc tờ bản đồ số 29 xã G, tỉnh Sơn La - có sơ đồ kèm theo) và 01

đôi hoa tai vàng là di sản thừa kế của cụ Đình Văn Ẽ và cụ Hoàng Thị N1; giao toàn bộ di sản thừa kế cho bà Đình Thị B quản lý; buộc ông Hà Văn T2 và ông Đình Văn V1 dỡ bỏ công trình trên đất và trả lại đất.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Đình Thị B phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 12.205.000 đồng (*Mười hai triệu hai trăm linh năm nghìn đồng*), được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng chi phí đã nộp.

Ngoài ra, Bản án Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

*** Sau khi xét xử sơ thẩm:**

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều nhất trí với nội dung bản án sơ thẩm, không kháng cáo.

Ngày 06/4/2026, nguyên đơn bà Đình Thị B kháng cáo toàn bộ nội dung bản án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc hủy bản án sơ thẩm.

Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La thụ lý vụ án theo thủ tục phúc thẩm, nguyên đơn có đơn khiếu nại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 5 và nộp kèm giấy ra viện của trạm y tế xã G ngày 23/02/2024; giấy xác nhận đất ở của ông Đình Văn D ngày 27/3/2026; bản xác nhận của Lương Thị Y ngày 27/3/2026; giấy xác nhận Đình Thị B ngày 30/3/2026; giấy xác nhận của Đình Xuân H3 ngày 5/4/2026; giấy xác nhận của Đình Văn D; giấy xác nhận của Đình Thị S ngày 01/4/2026; giấy xác nhận của Đình Văn T6 ngày 30/4/2026.

*** Tại phiên toà phúc thẩm:**

- Nguyên đơn bà Đình Thị B đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đình Thị B xác định toàn bộ di sản thừa kế là do cụ Ẽ và cụ N1 chết để lại và người quản lý di sản thừa kế là bà Đình Thị B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Đình Thị B: Ông Điều Chính T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đình Thị B với lý do tài liệu trong hồ sơ đều thể hiện các thửa đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ Đình Văn Ẽ và cụ Đình Thị N3 trực tiếp khai phá sử dụng, theo Điều 612 Bộ luật dân sự 2015 là tài sản hợp pháp của hai cụ và đủ điều kiện xác định di sản thừa kế. Trong vụ án không tồn tại giao dịch hợp pháp nào chứng minh việc chuyển quyền cho ông Đình Văn T4, do đó việc đứng tên trong GCNQSDĐ không làm phát sinh quyền sở hữu riêng. Biên bản bàn giao quyền nuôi dưỡng chăm sóc bố mẹ ngày 02/9/2018 đã trực tiếp phủ nhận việc cho rằng tài sản chuyển nhượng là của ông Đình Văn T4. Có đủ cơ sở xác định toàn bộ các tài sản nguyên đơn yêu cầu là của cụ Ẽ và cụ N3. Do đó có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B xác định toàn bộ di sản của cụ Ẽ và cụ N3. Xác định là di sản thừa kế và giao cho bà Đình Thị B quản lý.

- Bị đơn anh Đình Văn P, chị Lò Thị V: Không nhất trí với kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 5

- Sơn La.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn anh Đinh Văn P: Ông Tòng Văn M đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 5, bởi lẽ:

Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Sơn La đã nhận định, đánh giá đầy đủ, toàn diện, khách quan vụ án.

Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ (hồ sơ địa chính, lời khai, xem xét, thẩm định tại chỗ...) để làm rõ nguồn gốc đất. Trong khi đó, đơn kháng cáo của nguyên đơn chỉ lặp lại nội dung cũ, không có chứng cứ mới. Không có căn cứ xác định đất là di sản thừa kế. Nguyên đơn cho rằng đất của cha mẹ (cụ Ề và cụ N3) chỉ cho ông Đinh Văn T4 đứng tên hộ để vay vốn, nhưng đây là lời khai một phía, không có bất kỳ giấy tờ, văn bản cam kết hay xác nhận nào chứng minh. Ngược lại, hồ sơ địa chính chứng minh ông T4 đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận QSD đất hợp pháp. Suốt thời gian dài trước và sau khi ông T4 qua đời, hai cụ và các đồng thừa kế cũng không hề có khiếu nại hay tranh chấp nào.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn chị Lò Thị V: Ông Trần Mạnh T1 nhất trí quan điểm của ông Tòng Văn M, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Sơn La.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị B; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2026/DS-ST ngày 31/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Đinh Thị B khởi kiện đề nghị Tòa án xác định di sản thừa kế; yêu cầu giao toàn bộ di sản thừa kế cho nguyên đơn quản lý; yêu cầu anh Hà Văn T2, anh Đinh Văn V1 phải dỡ bỏ tài sản trên đất và trả lại quyền sử dụng đất. Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Sơn La thụ lý, giải quyết vụ án Tranh chấp về xác định di sản thừa kế, người quản lý di sản thừa kế là đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật.

Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Đinh Thị B nộp đúng thời hạn quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt bị đơn anh Hà Văn T2, anh Đinh Văn V1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Đinh Thị S, anh Đinh Văn P1, chị Đinh Thị P2, chị Đinh Thị Đ, anh Đinh Văn Q, chị Đinh Thị H, chị

Đinh Thị H1, chị Đinh Thị H2, anh Lò Duy K, chị Lò Khánh L, chị Đinh Thị N, cháu Đinh Thị Thanh L2, cháu Đinh Thị L1, bà Hoàng Thị B1 nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và ủy quyền tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm; hồ sơ đã thể hiện đầy đủ lời khai của những người này tại cấp sơ thẩm. Kiểm sát viên và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Đinh Thị B:

[2.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp các đương sự xác định là do cụ Đinh Văn Ẹ và cụ Hoàng Thị N1 khai phá, sử dụng. Khi ông Đinh Văn T4 về ở cùng hai cụ, ông T4 đã đăng ký, kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998. Sau đó, vợ chồng ông T4, các con ông T4 và hai cụ cùng sử dụng đất. Năm 2007, ông Đinh Văn T4 được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình sử dụng, anh Đinh Văn P1 đã được ông T4 cho một phần đất từ diện tích đất nêu trên; năm 2013, ông T4 đã chuyển nhượng 92,9m² đất cho anh Hà Văn N2 và đến nay không có tranh chấp. Sau khi cụ N1, cụ Ẹ và vợ chồng ông T4 chết (không để lại di chúc), vợ chồng anh Đinh Văn P (con của ông T4) là người trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp. Anh Đinh Văn P3 được ông Tư C1 cho một phần diện tích đất, sau khi anh P3 chết, chị N vợ anh P3 đã chuyển nhượng phần đất được chia cho anh Hà Văn T3, sau đó anh T3 đã cho anh Đinh Văn T4 sử dụng làm quán. Ngoài ra, anh P đã cho anh Đinh Văn V1 mượn một phần đất để sử dụng làm nhà xưởng.

[2.2] Xét nguồn gốc đất tranh chấp vốn là của cụ Đinh Văn Ẹ (chết năm 2023) và cụ Hoàng Thị N1 (chết năm 2025) khai phá. Tuy nhiên, từ năm 1998, ông Đinh Văn T4 đã tiến hành kê khai, đăng ký và được Ủy ban nhân dân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một cách công khai. Đến năm 2007, ông T4 tiếp tục được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích này. Suốt quá trình từ năm 1998 cho đến khi ông T4 qua đời vào năm 2016 và sau đó là con ông T4 là anh Đinh Văn P quản lý, sử dụng liên tục, cụ Ẹ, cụ N1 khi còn sống cũng như các đồng thừa kế khác (bao gồm cả nguyên đơn bà Đinh Thị B) đều biết rõ việc ông T4 được cấp quyền sử dụng đất và thực hiện các quyền của người sử dụng đất (như chuyển nhượng cho anh Hà Văn N2 năm 2013, phân chia cho các con) nhưng không ai có ý kiến khiếu nại hay tranh chấp gì đối với các quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Điều này thể hiện ý chí của các cụ lúc sinh thời đã dịch chuyển quyền sử dụng đất cho ông Đinh Văn T4 và việc dịch chuyển này đã được pháp luật công nhận, thiết lập bằng quyết định hành chính có hiệu lực pháp luật.

[2.3] Căn cứ vào Điều 105 và Điều 612 Bộ luật Dân sự năm 2015, di sản là tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của người chết để lại tại thời điểm họ qua đời. Do quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tranh chấp nêu trên đã được xác lập quyền sử dụng hợp pháp cho ông Đinh Văn T4 từ năm 1998 (đã được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2007) nên tại thời điểm cụ Ẹ chết (năm 2023) và cụ N1 chết (năm 2025), diện tích đất này không

còn nằm trong khối tài sản hợp pháp của hai cụ. Vì tài sản không còn thuộc quyền sử dụng của các cụ tại thời điểm mở thừa kế, nên không cấu thành di sản thừa kế theo quy định tại Điều 612 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định diện tích đất trên không còn là di sản thừa kế của cụ Ề, cụ N1 và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xác định di sản thừa kế, yêu cầu quản lý di sản thừa kế của nguyên đơn bà Đinh Thị B là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.4] Tại giai đoạn phúc thẩm, nguyên đơn bà Đinh Thị B có nộp bổ sung một số tài liệu chứng cứ gồm: Giấy ra viện của trạm y tế xã G ngày 23/2/2024; các giấy xác nhận đất ở và xác nhận của người làm chứng (ông Đinh Văn D, bà Lương Thị Y, cụ Đinh Xuân H3, bà Đinh Thị S, ông Đinh Văn T6 được lập trong tháng 3 và 4 năm 2026), Hội đồng xét xử xét thấy, nội dung của các văn bản xác nhận này chủ yếu chứng minh về nguồn gốc đất ban đầu là của cụ Ề, cụ N1 và hiện trạng giáp ranh. Các tình tiết này đã được các bên đương sự thừa nhận xuyên suốt trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm nên theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, đây là những tình tiết không phải chứng minh và không làm thay đổi bản chất vụ án là quyền sử dụng đất đã được chuyển giao hợp pháp cho ông Đinh Văn T4 từ năm 1998. Do đó, các tài liệu do nguyên đơn giao nộp không phải là căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Đinh Thị B.

[2.5] Từ những nhận định, phân tích nêu trên, xét thấy quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tại phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở; do đó cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2026/DS-ST ngày 31/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Sơn La.

[3] Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn bà Đinh Thị B là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đinh Thị B; giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2026/DS-ST ngày 31/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Sơn La như sau:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 229; các Điều 267, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 690 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 2 và Điều 20 Luật Đất đai năm 1993; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị B về việc: Xác định 443,33m² đất ở và vườn thuộc thửa 548A và 548B; 348m² đất trồng lúa thuộc thửa số 400; 307,1m² đất trồng lúa thuộc thửa số 501; 299m² đất trồng lúa thuộc thửa số 210 (*đều thuộc tờ bản đồ số 29 xã G, tỉnh Sơn La - có sơ đồ kèm theo*) và 01 đôi hoa tai vàng là di sản thừa kế của cụ Đinh Văn Ề và cụ Hoàng Thị N1; không chấp nhận yêu cầu giao toàn bộ di sản cho bà Đinh Thị B quản lý; không chấp nhận yêu cầu buộc anh Hà Văn T2 và anh Đinh Văn V1 dỡ bỏ công trình trên đất và trả lại đất cho bà Đinh Thị B.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Đinh Thị B.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 07/7/2026).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân khu vực 5;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 5;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Tuấn Minh